

VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT TRONG PHÒNG, CHỐNG TRA TẤN Ở VIỆT NAM

PHẠM THANH SƠN*

Bảo vệ quyền con người, trong đó có phòng, chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người góp phần tạo điều kiện để con người được phát triển toàn diện trong tự do, hòa bình, cũng là định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều quốc gia hiện nay. Về cơ bản, pháp luật Việt Nam đã có sự tương thích nhất định với các quy định của Công ước chống tra tấn và các quy chuẩn thế giới về phòng, chống tra tấn trên nhiều phương diện. Bài viết phân tích, làm rõ về vai trò của pháp luật Việt Nam về phòng, chống tra tấn; đánh giá thực trạng và gợi mở một số giải pháp nâng cao vai trò của pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

Từ khóa: Quyền con người, tra tấn, Công ước chống tra tấn.

Ngày nhận bài: 01/6/2022; Biên tập xong: 23/6/2022; Duyệt đăng: 23/6/2022

Protecting human rights, including preventing and combating torture and other cruel, inhuman or degrading treatment or punishment contributes to creating conditions for people to develop fully in freedom and peace. It is also the orientation and goal of socio-economic development in many countries. Basically, Vietnamese law has a certain compatibility with the provisions of the Convention Against Torture and international standards on prevention and combat torture in many aspects. The article clarifies the role of our legal provisions on preventing and combating torture, assesses the current situation and suggests some solutions to improve the role of Vietnamese law on this issue.

Keywords: Human right, torture, the Convention Against Torture.

1. Đặt vấn đề

Tra tấn (và hành vi “thứ cấp” của nó là trừng phạt, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục hình) là vấn đề vừa mang tính pháp lý, vừa mang tính đạo đức, văn hóa. Ở góc độ đạo đức, văn hóa, Liên Hợp Quốc lên án tra tấn như là một trong những hành vi vô nhân đạo và đê hèn nhất mà con người phạm phải với đồng loại, bởi tra tấn phủ nhận phẩm giá, hủy hoại cả thể chất và tâm hồn của nạn nhân - những người ở trong hoàn cảnh không thể chống cự. Ở góc độ pháp lý, theo luật nhân quyền quốc tế, tra tấn là một trong những hình thức vi phạm nhân quyền nghiêm trọng nhất, bị chỉ trích gay gắt nhất. Do tính chất đặc biệt nghiêm trọng của hành vi tra tấn, việc cấm tra tấn được

quy định trong rất nhiều văn kiện của luật nhân quyền và luật hình sự quốc tế từ trước đến nay, trong đó bao gồm Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948 (UDHR) (Điều 5), Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 (ICCPR) (Điều 7), và đặc biệt là Công ước chống tra tấn năm 1984 (UNCAT)...

Về khái niệm tra tấn, mặc dù có nhiều định nghĩa khác nhau, tuy nhiên định nghĩa “tra tấn” theo quy định của UNCAT vẫn được coi là định nghĩa được chấp nhận rộng rãi. Theo đó, tra tấn có nghĩa là bất kỳ hành vi cố ý gây ra sự đau đớn hoặc khổ sở đối với một người về thể xác hoặc tinh thần, nhằm những mục đích thu

* Thạc sĩ, Khoa Luật, Học viện An ninh nhân dân; Nghiên cứu sinh, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

thập thông tin hoặc sự nhận tội từ người đó hoặc một người thứ ba, trừng phạt người đó về một hành vi mà người đó hay người thứ ba đã thực hiện hoặc nghi ngờ đã thực hiện, đe dọa hoặc ép buộc người đó hay người thứ ba, hoặc vì bất kỳ lý do gì khác dựa trên sự phân biệt đối xử dưới mọi hình thức, khi mà sự đau đớn hoặc chịu đựng đó được gây ra bởi hoặc với sự xúi giục hoặc với sự đồng ý hoặc sự chấp thuận của một nhân viên công quyền hoặc người khác đang thực hiện công vụ (khoản 1 Điều 1). Định nghĩa này không bao gồm sự đau đớn hoặc khổ sở là kết quả đương nhiên hoặc ngẫu nhiên của các hình phạt hợp pháp; đồng thời, hành vi tra tấn cũng bị cấm tuyệt đối, trong mọi hoàn cảnh kể cả thời bình, thời chiến hay trong tình trạng khẩn cấp của quốc gia. Bất cứ lý do nào biện minh cho hành vi tra tấn đều không thể chấp nhận. Đặc biệt, quy định cấm tra tấn được coi là một quy phạm của luật tập quán quốc tế, và như vậy có hiệu lực ràng buộc với mọi quốc gia, kể cả những nước chưa tham gia bất cứ điều ước quốc tế nào có liên quan.

Ngày 28/11/2014, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 83/2014/QH13 phê chuẩn Công ước chống tra tấn của Liên Hợp Quốc. Mặc dù trước khi tham gia UNCAT, để bảo vệ quyền con người (QCN), quyền công dân, pháp luật Việt Nam đã quy định tương đối cơ bản cơ chế bảo đảm quyền không bị tra tấn, đối xử, trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc bị hạ nhục, nhưng việc ký kết, phê chuẩn Công ước có ý nghĩa quan trọng trong việc thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta cũng như thể hiện sự quyết tâm duy trì nền tảng đạo đức, pháp lý và văn hóa QCN đang được khẳng định trong chủ trương, đường lối của Đảng và Hiến pháp năm 2013, cho thấy nỗ lực của Việt Nam trong việc bảo

vệ QCN. Đồng thời, qua đó tạo điều kiện để rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan, cụ thể là quyền không bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hay hạ nhục con người cho phù hợp hơn với Công ước và các quy chuẩn chung của pháp luật quốc tế về QCN. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả tập trung nghiên cứu và phân tích vai trò của pháp luật trong phòng, chống tra tấn ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung vai trò của pháp luật phòng, chống tra tấn ở Việt Nam hiện nay

Xuất phát từ nội dung pháp luật trong phòng, chống tra tấn và những đặc thù về điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội ở Việt Nam hiện nay, vai trò của pháp luật trong phòng, chống tra tấn được thể hiện qua một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, pháp luật nói chung, trong đó bao gồm pháp luật về phòng, chống tra tấn, là phương tiện cụ thể hóa chủ trương, chính sách, quan điểm của Đảng về bảo đảm QCN, bảo đảm quyền không bị tra tấn

Tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm QCN được xác định là quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế và là một trong những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam¹. Việt Nam luôn xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng đất nước, khẳng định con người là trung tâm của các chính sách kinh tế - xã hội, thúc đẩy và bảo vệ QCN là nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững, bảo đảm thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Việt Nam đều nhằm phấn đấu cho mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã

¹ Đào Trí Úc (2015), *Giáo trình Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 123.

hội dân chủ, công bằng, văn minh”, tất cả vì con người và cho con người. Điều này được đúc rút từ nhiều yếu tố như: Lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc; truyền thống, bản sắc văn hóa Việt Nam; nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; những nguyên tắc và tiêu chuẩn quốc tế về QCN được hầu hết các dân tộc trên thế giới thừa nhận; thực tiễn và những yêu cầu đặt ra trong công cuộc đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Các quan điểm của Đảng, Nhà nước về QCN được thể hiện tập trung trong các văn kiện của Đảng như: Cương lĩnh chính trị, Nghị quyết, Chỉ thị... và văn kiện của các cơ quan nhà nước như: Báo cáo của Chính phủ, Sách trắng của Bộ Ngoại giao... Trong đó, Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 12/7/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng nêu rằng: “Nhân quyền luôn luôn gắn liền với lịch sử, truyền thống và phụ thuộc vào trình độ phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước. Do vậy, không thể áp đặt hoặc sao chép máy móc các tiêu chuẩn, mô thức của nước này cho nước khác”; Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 20/7/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X về công tác nhân quyền trong tình hình mới đặt ra quan điểm cơ bản về QCN “thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế về quyền nhân quyền mà Việt Nam đã cam kết, tham gia có trách nhiệm các hoạt động theo cơ chế của Hội đồng nhân quyền Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế khác về nhân quyền”.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng (2021) tiếp tục đặt ra yêu cầu “Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ

quyền làm chủ của Nhân dân”². Một trong những chủ trương lớn về QCN tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng là lấy con người làm trung tâm và phát triển con người toàn diện. Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII xác định định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là “xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tinh gọn vì nhân dân phục vụ”³.

Về thiết chế hoạt động của các cơ quan tư pháp, Đại hội XIII cũng xác định: “tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Hoạt động tư pháp phải có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ QCN, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân”⁴. Cụ thể hoá bằng pháp luật, các chủ trương, chính sách, quan điểm của Đảng về bảo đảm QCN nói chung mới có thể được bảo đảm thực hiện trong đời sống xã hội.

Thứ hai, pháp luật phòng, chống tra tấn là chỗ dựa pháp lý để Nhà nước tổ chức bộ máy, tiến hành các hoạt động phòng, chống tra tấn

Tính sắc bén của pháp luật trong việc phòng, chống tra tấn được thể hiện ở các quy định trong pháp luật và được đảm bảo bằng bộ máy, cách thức tác động quyền lực của Nhà nước, khi cần thiết thì Nhà nước sử dụng các biện pháp cưỡng chế trên cơ sở tiến hành các biện pháp giáo dục, thuyết phục bảo đảm cho nội

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, tr. 173.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *tlđđ*, tr. 118.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *tlđđ*, tr. 177.

dung phòng, chống tra tấn được thực hiện và bảo vệ. Bên cạnh đó, nhờ hệ thống cơ quan bảo vệ pháp luật mà mọi hành vi vi phạm liên quan đến tra tấn đều có khả năng bị phát hiện nhanh chóng và xử lý kịp thời. Các cơ quan trong hệ thống tổ chức bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều trực tiếp hoặc gián tiếp có trách nhiệm phòng, chống tra tấn, nhất là các cơ quan chuyên biệt như: Hệ thống Cơ quan điều tra, hệ thống cơ quan quản lý và thi hành án hình sự, hệ thống cơ quan quản lý và thi hành tạm giữ, tạm giam.

Để ngăn ngừa các hành vi vi phạm nói chung và hành vi có liên quan đến tra tấn nói riêng của các cán bộ có thẩm quyền, pháp luật cũng quy định các cơ quan hoặc cơ chế độc lập để kiểm sát hành vi của cán bộ chịu trách nhiệm lấy lời khai và quản lý người bị giam, giữ; kiểm tra, giám sát các trại giam và cơ sở giam giữ khác cũng như việc thực hiện các chế độ giam giữ. Bên cạnh đó, các cơ sở giam giữ còn chủ động phát hiện ngăn chặn và loại trừ các hành vi xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của người bị giam giữ. Cán bộ chịu trách nhiệm quản lý người bị giam giữ trong các cơ sở giam giữ phải chịu sự giám sát của các cơ quan, người có thẩm quyền sau: Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đặc biệt là Viện kiểm sát nhân dân các cấp. Theo đó, Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát hoạt động tư pháp trong tất cả các hoạt động, từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự cũng như kiểm sát tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự.

Ngoài ra, pháp luật phòng, chống tra tấn cũng quy định chặt chẽ về quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, nhân viên

các ngành liên quan, mang tính quy chuẩn nhằm định hướng về đạo đức, rèn luyện đạo đức đối với các cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của cán bộ công quyền nói chung và của cán bộ có liên quan trong tổ tụng hình sự và thi hành án nói riêng, nếu có vi phạm pháp luật, vi phạm quy tắc đạo đức, nghề nghiệp, bao gồm các hành vi liên quan đến tra tấn, thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ phải chịu những chế tài xử lý khác nhau như xử lý kỷ luật (khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc) hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, có thể bị điều chuyển khỏi vị trí công tác, cách chức, buộc thôi việc hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự...

Bên cạnh hệ thống các biện pháp ngăn ngừa và trừng trị các hành vi có liên quan đến tra tấn từ phía các cán bộ công quyền, Việt Nam cũng đặc biệt chú trọng và quan tâm đến việc bảo đảm hơn nữa các quyền của nạn nhân bị tra tấn và những người khác có liên quan.

Thứ ba, pháp luật phòng, chống tra tấn là tiền đề, nền tảng tạo cơ sở pháp lý để con người đấu tranh bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của họ

Mặc dù bảo vệ QCN là một quá trình, phụ thuộc vào tổng thể nhiều điều kiện khác nhau như: Kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa... trong đó pháp luật có vị trí, vai trò và tầm quan trọng hàng đầu. Điều này được lý giải bởi: Pháp luật là phương tiện chính thức hóa các giá trị xã hội của QCN; các quyền đó được pháp luật hóa và mang tính bắt buộc, được xã hội thừa nhận, bảo vệ. Nếu không có sự

thừa nhận của xã hội thông qua pháp luật thì quyền tự nhiên vốn có của con người chưa trở thành quyền thực sự. Ngược lại, QCN khi đã được quy định trong pháp luật thì nó sẽ trở thành quyền pháp định, là ý chí chung của toàn xã hội, được xã hội thừa nhận, phục tùng, được quyền lực Nhà nước tôn trọng bảo vệ. Khi QCN, bao gồm quyền không bị tra tấn... được quy định trong Hiến pháp và pháp luật thì nó sẽ trở thành “tối thượng” có giá trị bắt buộc đối với toàn xã hội, ngay cả với cơ quan cao nhất của Nhà nước.

Ở đây pháp luật được xem xét không chỉ với tư cách là công cụ, phương tiện của Nhà nước mà còn là công cụ, vũ khí của mọi người trong xã hội để thực hiện, bảo vệ QCN. Bởi vì pháp luật là đại lượng mang giá trị phổ biến, là chuẩn mực của sự công bằng, do đó có thể đo được hành vi của mọi người, kể cả các cơ quan tổ chức, công chức Nhà nước. Nó là cơ sở, là căn cứ để công dân đánh giá, kiểm tra, đối chiếu các hành vi từ phía Nhà nước và các thành viên trong xã hội, đấu tranh bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quyền không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm có thể bị xâm phạm từ phía các cơ quan, tổ chức, công chức Nhà nước trong khi thi hành công vụ, cũng như từ phía các thành viên khác trong xã hội, bởi vì trong quan hệ với Nhà nước, công dân vừa là người chủ Nhà nước, vừa là đối tượng bị quản lý cho nên quyền và lợi ích hợp pháp của họ có nguy cơ xâm hại cao. Xét ở phương diện chung, trong mối quan hệ với các cơ quan hành chính Nhà nước và các cơ quan bảo vệ pháp luật, người dân là người bị quản lý và chịu sự phán quyết nên họ luôn luôn ở vị thế bất lợi. Trong điều kiện đó, người dân không

có vũ khí, phương tiện nào khác hữu hiệu hơn là sử dụng pháp luật để đấu tranh tự bảo vệ lấy các quyền và lợi ích của mình. Chỉ có pháp luật, bằng các quy phạm pháp luật quy định chặt chẽ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, các quyền và nghĩa vụ của công dân, mới tạo nên cơ sở pháp lý vững chắc để mọi người đấu tranh chống lại các hành vi xâm hại, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Thứ tư, pháp luật về phòng, chống tra tấn góp phần hiện thực hoá các các điều kiện bảo đảm khác như: Chính trị, kinh tế, văn hóa...

Các điều kiện trên đều phải thông qua pháp luật, thể hiện dưới hình thức pháp luật mới trở thành giá trị xã hội ổn định, được hiện thực hóa trên quy mô toàn xã hội. Chỉ có như vậy thì các điều kiện đó mới phát huy được vai trò của mình trong việc thực hiện và bảo vệ QCN nói chung, trong phòng, chống tra tấn nói riêng, cụ thể như:

Về chính trị, đường lối chính trị của một quốc gia là nhằm xây dựng vào bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nền kinh tế phát triển, nền dân chủ thực sự... phải được thể chế hóa trong Hiến pháp và pháp luật. Trong đó, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là điều kiện tiên quyết bảo đảm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Muốn dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, tạo điều kiện bảo đảm thực hiện, bảo vệ QCN, muốn đường lối, chính sách, Nghị quyết của Đảng trở thành hiện thực trong cuộc sống xã hội thì sự lãnh đạo của Đảng phải được thể chế hóa thành pháp luật.

Về kinh tế, đường lối chính sách, cơ chế phát triển kinh tế được cụ thể hóa trong pháp luật. Kinh tế phát triển tạo điều kiện cho việc hiện thực hóa các QCN trong thực tiễn, ngược lại bảo đảm QCN là điều kiện để phát triển kinh tế. Tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm QCN sẽ làm lành mạnh hóa, thúc đẩy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển, thúc đẩy hợp tác quốc tế, giảm thiểu tội phạm và các vi phạm pháp luật.

Về văn hóa, phát triển văn hóa giáo dục, nâng cao dân trí cũng phải được thể chế hóa trong hệ thống pháp luật, bảo đảm cho con người được phát triển tự do và toàn diện. Pháp luật có vai trò giáo dục tích cực, mạnh mẽ đối với tất cả các thành viên trong xã hội góp phần hình thành văn hóa pháp lý ở mọi người, giúp cho mọi người biết sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, biết “tự bảo vệ” các quyền và lợi ích hợp pháp của mình và biết tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của người khác trong cộng đồng.

Thứ năm, pháp luật về phòng, chống tra tấn là phương tiện để thực hiện sự cam kết và hòa nhập giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế, bảo đảm việc bảo vệ QCN ở mỗi quốc gia và trên toàn thế giới

Trong điều kiện hiện nay, nhiều nội dung cụ thể về bảo vệ QCN nói chung, trong đó có phòng, chống tra tấn nói riêng đòi hỏi phải có sự đấu tranh, hợp tác giải quyết, phối hợp của nhiều quốc gia hoặc cộng đồng quốc tế. Trách nhiệm của các quốc gia khi tham gia ký kết, hay phê chuẩn các điều ước quốc tế về QCN là phải thực hiện các cam kết đó, mỗi nước phải cụ thể hóa những quy định của pháp luật quốc tế sao cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của đất nước mình, thể hiện sự ràng buộc trách nhiệm thực hiện bảo vệ QCN trước cộng đồng quốc tế.

3. Một số giải pháp nâng cao vai trò của pháp luật phòng, chống tra tấn ở Việt Nam hiện nay

Sau hơn 15 năm thực hiện Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 cho thấy hệ thống pháp luật của nước ta không ngừng hoàn thiện và phát triển cơ bản cân đối trên mọi lĩnh vực. Trong đó, vai trò của pháp luật về phòng, chống tra tấn đã góp phần quan trọng trong quá trình chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của Việt Nam, khẳng định Việt Nam là thành viên tích cực và có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, nâng cao đáng kể uy tín quốc tế của Việt Nam trên lĩnh vực nhân quyền. Cơ sở pháp lý trong phòng, chống tra tấn góp phần thực hiện mục tiêu cải cách tư pháp của Đảng, Nhà nước, tạo điều kiện cho việc truy tố, xét xử tội phạm đúng người, đúng tội, tránh oan, sai và khẳng định địa vị pháp lý và minh bạch hóa các quyền và nghĩa vụ trong tư pháp hình sự. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn còn một số vấn đề hạn chế, bất cập nảy sinh như: Một số trường hợp Cơ quan điều tra không tuân thủ quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự dẫn đến sai lầm trong giải quyết vụ án, xâm phạm đến QCN của bị can, hoặc áp dụng các biện pháp ngăn chặn không có căn cứ hoặc không cần thiết xâm phạm đến QCN như: Bức cung, dùng nhục hình, điều kiện giam giữ trong các cơ sở tạm giam, các trại giam, và điều kiện sinh hoạt, học tập trong các trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện, cơ sở học tập bắt buộc chưa đảm bảo... Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả công tác phòng, chống tra tấn, điều này có thể dẫn đến tạo “sơ hở” để thế lực thù địch lợi dụng để xuyên tạc và phản bác sai trái về thành

tự nhân quyền của Việt Nam, sử dụng như một công cụ chống phá chế độ chính trị - xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do: Pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật, tính khả thi của một số văn bản quy phạm pháp luật về QCN chưa cao; một số vi phạm pháp luật về QCN trong lĩnh vực tư pháp hình sự chưa có chế tài đủ mạnh để xử lý; ý thức thượng tôn pháp luật nói chung, nhận thức pháp luật về bảo vệ, bảo đảm QCN, nhất là quyền không bị tra tấn của một bộ phận cán bộ thực thi pháp luật còn hạn chế... Điều này đòi hỏi cần đặt ra một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của pháp luật phòng, chống tra tấn, cụ thể:

Một là, tập trung hoàn thiện và đồng bộ hệ thống pháp luật về QCN, nhất là trong lĩnh vực tư pháp hình sự, đảm bảo chất lượng, có tính ổn định, tính dự báo cao, có tính khả thi.

Hai là, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật phòng, chống tra tấn, đảm bảo thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành thói quen ứng xử phổ biến trong tổ chức và hoạt động của cán bộ thực thi pháp luật, nhất là lực lượng Công an nhân dân, chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các vi phạm pháp luật cán bộ, công chức về QCN trong tư pháp hình sự.

Ba là, tăng cường đầu tư bồi dưỡng và huấn luyện nghiệp vụ tư pháp, đặc biệt là nghiệp vụ điều tra, đồng thời tăng cường tập huấn nâng cao nhận thức của cán bộ, chiến sĩ Công an về các yêu cầu và trách nhiệm trong phòng, chống tội phạm.

Bốn là, cần nghiên cứu hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan và cán bộ tiến hành

tố tụng, nhất là trong các hoạt động điều tra và giam giữ.

Năm là, các cơ quan tư pháp cần chủ động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai hiệu quả công tác nắm tình hình, giữ vững môi trường hòa bình, an ninh, an toàn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy các QCN; chủ động phản bác thông tin, luận điệu xuyên tạc tình hình nhân quyền trong nước; xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng quyền dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tổ chức và cá nhân.

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tra tấn không chỉ tạo tiền đề quan trọng bảo vệ, bảo đảm QCN, mà còn góp phần quan trọng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, là chỗ dựa pháp lý quan trọng góp phần bảo đảm chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy quan hệ với các đối tác, bảo đảm môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo quốc gia lần thứ nhất về thực thi Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người, năm 2017;
2. Bộ Ngoại giao (2018), *Sách trắng "Bảo vệ và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam"*;
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật;
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 20/7/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X về công tác nhân quyền trong tình hình mới*;
5. Đào Trí Úc (2015), *Giáo trình Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.